

Bản án số: 301/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 04-12-2024  
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Lắm.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:***
  - Ông Trịnh Văn Bé;
  - Ông Nguyễn Văn Hồng.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Trọng Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 567/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 937/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Yên E, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

***Bị đơn:*** Ông Trương Văn P, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yên E trình bày, bà Yên E và ông P qua tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C ngày 01/3/2017. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh được 02 con chung tên Trương Thanh T, sinh ngày 20/9/2014 và cháu Trương Trúc L, sinh ngày 03/8/2017. Hiện tại, các cháu T và cháu L đang được ông P chăm sóc, nuôi dưỡng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì

phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cự cãi. Bà Yến E và ông P đã không còn sống chung từ năm 2018 đến nay, không tới lui thăm nhau. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Nhận thấy tình cảm không còn nên bà Yến E yêu cầu ly hôn với ông P; đồng ý để ông P được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu T và cháu L, bà Yến E không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện bao gồm: Tờ tự khai của bà Nguyễn Thị Yến E (bản chính); Trích lục khai sinh số 539/TLKS-BS ngày 24/12/2018 do Ủy ban nhân dân xã K cấp đối với Trương Thanh T (bản sao); Trích lục khai sinh số 540/TLKS-BS ngày 24/12/2018 do Ủy ban nhân dân xã K cấp đối với Trương Trúc L (bản sao); Trích lục kết hôn số 86/TLKH-BS ngày 24/12/2018 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện C cấp đối với bà Nguyễn Thị Yến E và ông Trương Văn P (bản sao).

- Bị đơn ông Trương Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và cung cấp cho Tòa án đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến E giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện như trong quá trình chuẩn bị xét xử và không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Yến E đối với ông Trương Văn P; ông P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Trương Thanh T, sinh ngày 20/9/2014 và Trương Trúc L, sinh ngày 03/8/2017, bà Yến E không phải cấp dưỡng nuôi dạy các con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Yên E khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trương Văn P, ông P cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Trương Văn P đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Yên E khai, bà Yên E và ông P do quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã K nên quan hệ hôn nhân giữa bà Yên E và ông P là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà Yên E xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên xảy ra cãi vã nhau. Bà Yên E và ông P không còn sống chung với nhau từ năm 2018 đến nay, không tới lui thăm nhau.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, ông P và bà Yên E bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau và không còn sống chung từ năm 2018 đến nay, không tới lui thăm nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông P nhưng ông P không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà Yên E. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà Yên E và ông P là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Yên E đối với ông P theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Yên E xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Trương Thanh T, sinh ngày 20/9/2014 và Trương Trúc L, sinh ngày 03/8/2017. Bà Yên E đồng ý để ông P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung.

Xét thấy, các cháu T và cháu L đang được ông P chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển tốt về thể chất và tinh thần, bà Yên E cũng đồng ý để hai cháu cho ông P chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác, các cháu có nguyện vọng sống cùng với ông P khi ông P và bà Yên E ly hôn. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao hai cháu cho ông P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do ông P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Yến E không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Yến E phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông P không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Yến E.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Yến E được ly hôn với ông Trương Văn P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 46, ngày 01/3/2017 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện C cấp cho ông Trương Văn P và bà Nguyễn Thị Yến E không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Ông Trương Văn P được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung tên Trương Thanh T, sinh ngày 20/9/2014 và Trương Trúc L, sinh ngày 03/8/2017. Bà Yến E không phải cấp dưỡng nuôi dạy các con chung.

Ông Trương Văn P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Nguyễn Thị Yến E trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Yến E phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023253 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 03 tháng 10 năm 2024; bà Nguyễn Thị Yến E đã nộp đủ án phí.

Ông Trương Văn P không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị Yến E có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Trương Văn P là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Kiến Thành;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Lắm**